**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 - Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtbd@gmail.com

TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

# KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH HÀNG NGÀY TẠI CÁC CHI NHÁNH CẤP NƯỚC

| Ngày | Tên Chi nhánh | | Thông số | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | pH | Độ đục | Clo dư |
| 26/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,75 - 6,79 | 0,2 - 0,21 | 0,56 - 0,58 |
| | | Dĩ An 2 | 6,6 - 6,62 | 0,11 - 0,12 | 0,49 - 0,55 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,81 - 6,84 | 0,17 - 0,18 | 0,51 - 0,55 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 7,02 - 7,07 | 0,18 - 0,22 | 0,39 - 0,57 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,32 - 7,35 | 0,11 - 0,12 | 0,5 - 0,54 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,96 - 6,99 | 0,18 - 0,25 | 0,85 - 0,88 |
| 27/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,77 - 6,82 | 0,16 - 0,21 | 0,44 - 0,54 |
| | | Dĩ An 2 | 6,61 - 6,62 | 0,12 - 0,14 | 0,55 - 0,56 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,8 - 6,83 | 0,2 - 0,21 | 0,64 - 0,66 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 7,02 - 7,05 | 0,17 - 0,21 | 0,43 - 0,48 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,24 - 7,3 | 0,1 - 0,11 | 0,4 - 0,44 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,83 - 7,02 | 0,31 - 0,58 | 0,47 - 0,61 |
| 28/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,81 - 6,82 | 0,15 - 0,19 | 0,54 - 0,56 |
| | | Dĩ An 2 | 6,58 - 6,6 | 0,1 - 0,12 | 0,56 - 0,57 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,83 - 6,86 | 0,18 - 0,2 | 0,65 - 0,68 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 6,95 - 7,02 | 0,19 - 0,25 | 0,43 - 0,54 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,27 - 7,31 | 0,11 - 0,14 | 0,47 - 0,51 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,9 - 6,92 | 0,19 - 0,2 | 0,57 - 0,61 |

| Ngày | Tên Chi nhánh | | Thông số | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | pH | Độ đục | Clo dư |
| 29/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,83 - 6,86 | 0,19 - 0,2 | 0,52 - 0,58 |
| | | Dĩ An 2 | 6,57 - 6,58 | 0,11 - 0,12 | 0,56 - 0,57 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,87 - 6,9 | 0,19 - 0,21 | 0,44 - 0,45 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 6,93 - 6,95 | 0,18 - 0,22 | 0,50 - 0,55 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,3 - 7,31 | 0,11 - 0,12 | 0,5 - 0,51 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,97 - 6,98 | 0,24 - 0,4 | 0,52 - 0,54 |
| 30/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,77 - 6,87 | 0,19 - 0,25 | 0,54 - 0,55 |
| | | Dĩ An 2 | 6,58 - 6,59 | 0,1 - 0,11 | 0,62 - 0,55 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,81 - 6,83 | 0,17 - 0,2 | 0,62 - 0,67 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 6,93 - 6,98 | 0,19 - 0,24 | 0,50 - 0,58 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,34 - 7,38 | 0,1 - 0,12 | 0,48 - 0,51 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,95 - 6,97 | 0,3 - 0,41 | 0,65 - 0,76 |
| 31/12/2022 | CNCN Dĩ An | Dĩ An 1 | 6,76 - 6,8 | 0,19 - 0,23 | 0,5 - 0,54 |
| | | Dĩ An 2 | 6,56 - 6,58 | 0,08 - 0,1 | 0,55 - 0,56 |
| | CNCN Khu Liên Hợp | | 6,85 - 6,87 | 0,16 - 0,17 | 0,6 - 0,65 |
| | CNCN Nam Tân Uyên | | 7,04 - 7,05 | 0,18 - 0,23 | 0,5 - 0,55 |
| | CNCN Chơn Thành | | 7,36 - 7,38 | 0,1 - 0,15 | 0,5 - 0,52 |
| | CNCN Thủ Dầu Một | | 6,97 - 6,98 | 0,25 - 0,27 | 0,6 - 0,77 |